TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 8 – 2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Văn Thỏ**

Bà **Lê Thị Thúy Kiều**

- Thư ký phiên tòa: ông Qúach Văn Diển– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2023/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp về hôn nhân gia đình, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (Có mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Trần Minh P, sinh năm 1976 (Yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** **Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày như sau:***

Bà và ông Trần Minh P có chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất đầm ấm hạnh phúc, thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Bà và

ông P tôi đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi nên cả hai muốn trả tự do cho nhau.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung là cháu Trần Diễm H, sinh ngày 29/5/2003 và cháu Trần Khả H, sinh ngày 10/10/2013, cháu Hân đang sống với bà.

Về tài sản chung: Bà và ông P chúng tôi tự thỏa thuận tài sản chung

Nợ chung: Bà và ông P không có nợ chung

Tại phiên tòa hôm nay yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận bà và ông Trần Minh P không phải là vợ chồng.

- Về con chung: cháu Trần Diễm H, sinh ngày 29/5/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Yêu cầu giao cháu Trần Khả H, sinh ngày 10/10/2013 cho bà nuôi dưỡng, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Minh P ý kiến trình bày:***

Ông và bà D sống chung với nhau từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung giữa ông và bà D không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, gây mất tình cảm nên vợ ông yêu cầu ly hôn. Quá trình sống chung ông và bà D có 02 con chung là cháu Trần Diễm H, sinh năm 2003 và cháu Trần Khả H, sinh ngày 10/10/1013. Quá trình sống chung ông và bà D không có tài sản chung, không có nợ chung. Nay bà D yêu cầu công nhận mối quan hệ chung sống giữa ông và bà D không phải là vợ chồng ông cũng đồng ý.

Về con chung thống nhất giao con chung là cháu Trần Khả H cho bà D nuôi, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông yêu cầu giải quyết vắng mặt do gia đình bận việc không tham dự được.

**** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Trần Minh P không phải là vợ chồng.

+ Về con chung: Đối với cháu Trần Diễm H, sinh ngày 29/5/2003 đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu gì nên đề nghị không đặt ra xem xét. Đối với cháu Trần Khả H, sinh ngày 10/10/2013 đề nghị giao cho bà D nuôi.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông P không ai được quyền ngăn cản.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Bà D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Minh P vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu không công nhận bà và ông Trần Minh P không phải là vợ chồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Nguyễn Thị D và ông Minh Phương sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới tuy nhiên quá trình chung sống với nhau đã lâu cũng có con chung nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận ông, bà là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu không công nhận bà và ông Trần Minh P là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án phía ông P cũng thừa nhận việc sống chung với bà D không có đăng ký kết hôn và đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, cho nên như đã nhận định nêu trên việc bà D, ông Pg sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đã có con chung nhưng không có đăng ký kết hôn là chưa phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình quy định về việc đăng ký kết hôn nên việc bà D yêu cầu công nhận bà và ông P không phải là vợ chồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận. Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Trần Minh P là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung bà D và ông P đều xác định có 02 người con chung: là cháu Trần Diễm H, sinh ngày 29/5/2003 đã trưởng thành và cháu Trần Khả H, sinh ngày 10/10/2013 hiện nay đang sống chung với bà D.

Đối với cháu Trần Diễm H đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu nuôi cháu Trần Khả H, sinh ngày 10/10/2013 của bà D thì thấy rằng từ khi bà D và ông P không còn sống chung với nhau thì cháu Hân theo sống với bà D hiện tại cuộc sống cháu cũng ổn định, đang đi học nên tránh làm xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu Hân và theo nguyện vọng của cháu Hân cũng có nguyện vọng theo chị Diễm, nghĩ nên căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tiếp tục giao cháu Trần Khả H, sinh ngày 10/10/2013 cho bà D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Trần Minh P không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại viện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009302 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà D đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Trần Minh P là vợ chồng.

2.Về con chung: Cháu Trần Diễm H, sinh năm 2003 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Giao cháu Trần Khả H, sinh ngày 10/10/2013 cho bà D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Trần Minh P không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009302 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà D đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu Tòa án tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**** Nơi nhận:***
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh